

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5918 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 01/CVMT-OJHP ngày 10/10/2024 của Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 02/CVMT-KHIV ngày 26/12/2024 của Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án sản xuất bao bì cao cấp” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án sản xuất bao bì cao cấp” tại lô B-1, 2, 7, 8, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

## 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Dự án sản xuất bao bì cao cấp”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B-1, 2, 7, 8, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200575693 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18/05/2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7681464086 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lại ngày 30/6/2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 09 ngày 14/03/2023.

1.4. Mã số thuế: 0200575693.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất thùng, hộp các tông sóng; Bìa các tông tấm; Các sản phẩm bằng giấy và bao bì khác (bao bì, túi giấy,...)

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 30.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất: 30.600 tấn/năm, cụ thể:

+ Thùng, hộp các tông sóng: 24.000.000 m<sup>2</sup> ~ 19.200 tấn/năm.

+ Bìa các tông tấm: 12.000.000 m<sup>2</sup> ~ 9.600 tấn/năm.

+ Các sản phẩm bằng giấy và bao bì khác (bao bì, túi giấy...): 1.800 tấn.

## 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2034).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: xã An Hưng, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng;
- Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT (để công khai);
- Lưu: VT.



**KT.TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Bùi Ngọc Hải**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5918 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng đã ký Hợp đồng cho thuê lại đất với Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng ngày 09/09/2004 (Toàn bộ nước thải từ Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng do Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng làm chủ đầu tư).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, nước thải khu vực nhà bếp cùng với nước rửa tay, chân theo đường ống dẫn vào hố gom nước thải và bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng.

+ Nước thải sản xuất từ hoạt động vệ sinh thùng pha hồ, khuôn mực in, khu vực pha hồ, vệ sinh cột lọc của bộ xử lý làm mềm nước trước khi cấp cho hệ thống nồi hơi và nước xả đáy nồi hơi theo đường ống dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty để xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh + nước thải khu vực bếp + nước rửa tay, chân → Bể gom nước thải → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Quy trình xử lý: Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng) → hố ga thu cuối (cùng với nước thải sản xuất sau xử lý) →

hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng.

+ Nước thải sản xuất: (Nước thải từ hoạt động vệ sinh thùng pha hồ + nước thải từ khu vực pha hồ + Nước thải từ quá trình vệ sinh cột lọc của bộ xử lý làm mềm nước trước khi cấp cho hệ thống nồi hơi + Nước xả đáy nồi hơi → Hộp lọc rác → Bể lắng hồ) + (Nước thải từ hoạt động vệ sinh khuôn mực in → Hộp lọc rác → Bể gom) → hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm (*Quy trình xử lý: Bể tiếp nhận chung → Tank phản ứng → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng*) → hố ga thu cuối (cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý) → hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Mật ri đường, Clo, viên TCCA.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm: PAC, Polymer, Ca(OH)<sub>2</sub>.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại hố gom trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Toạ độ: X(m) = 2312092; Y(m) = 587394.

- Mẫu nước thải tại bể tiếp nhận chung (*bể chứa nước thô*) của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Toạ độ: X(m) = 2312213; Y(m) = 587388.

- Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Nhật - Bản Hải Phòng. Toạ độ: X(m) = 2312085; Y(m) = 587401.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>o</sup>45', múi chiều 3<sup>o</sup>)

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Vị trí	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
Mẫu nước thải tại hố gom trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nhiệt độ, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, Amoni, Coliform	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng
Mẫu nước thải tại bể tiếp nhận chung ( <i>bể chứa nước thô</i> ) của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 50 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, As, Cd, Pb, Hg, Cr <sup>6+</sup> , Cr <sup>3+</sup> , Cu, Dầu mỡ khoáng, CN <sup>-</sup> , Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform	
Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Nhật - Bản Hải Phòng.	Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TSS, As, Cd, Pb, Hg, Cr <sup>6+</sup> , Cr <sup>3+</sup> , Cu, Dầu mỡ khoáng, CN <sup>-</sup> , Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform	

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1 Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2 Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ cơ sở quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải theo cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.4 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng để tiếp tục xử lý nước thải xả thải ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5918 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi khí thải tại hệ thống nồi hơi;
- Nguồn số 02: Bụi tại khu vực máy tạo sóng;
- Nguồn số 03: Bụi tại khu vực máy in;
- Nguồn số 04: Bụi tại khu vực máy đập;
- Nguồn số 05: Giấy vụn tại khu vực máy xay giấy.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

+ Dòng khí thải 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01. Toạ độ:  $X(m) = 2312255$ ;  $Y(m) = 587391$ .

+ Dòng khí thải 02: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các nguồn số 02, 03, 04, 05. Toạ độ:  $X(m) = 2312172$ ;  $Y(m) = 587388$ .

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $49.860 \text{ m}^3/\text{h}$ . Trong đó:

+ Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $4.860 \text{ m}^3/\text{h}$ .

+ Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $45.000 \text{ m}^3/\text{h}$  - tổng công suất của 06 quạt hút lắp đặt tại các khu vực thu gom khí thải (06 quạt hút công suất  $4.500 \text{ m}^3/\text{h}/\text{quạt}$  và 02 quạt hút công suất  $9.000 \text{ m}^3/\text{h}/\text{quạt}$ ).

2.3. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục theo ca làm việc bằng quạt hút.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $C_{\text{max}} = C \times K_p \times K_v$ ,  $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 0,6$ ), QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>					
1	Lưu lượng	$m^3/h$	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	$mg/Nm^3$	108	-		
3	CO	$mg/Nm^3$	540	-		
4	SO <sub>2</sub>	$mg/Nm^3$	270	-		
5	NO <sub>2</sub>	$mg/Nm^3$	459	-		
6	Benzen	$mg/Nm^3$	-	5		
7	Toluen	$mg/Nm^3$	-	750		
8	Xylen	$mg/Nm^3$	-	870		
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>					
1	Lưu lượng	$m^3/h$	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	$mg/Nm^3$	108	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh tại hệ thống nồi hơi được xả trực tiếp ra ngoài môi trường thông qua ống thoát khí.

- Bụi phát sinh tại khu vực máy tạo sóng, máy in, máy dập được thu gom bằng chụp hút cùng với giấy vụn từ máy xay giấy theo đường ống dẫn vào hệ thống lọc cyclone để xử lý. Khí sạch được xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí (*đầu ống có bố trí lắp đặt màng lọc bụi*).

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

+ Bụi, khí thải tại hệ thống nồi hơi → đường ống dẫn → quạt hút → ống thoát khí.

+ (Bụi tại khu vực máy in, máy tạo sóng và máy dập → chụp hút → quạt hút → đường ống dẫn) + (Giấy vụn từ máy xay giấy → quạt hút → đường ống dẫn) → thiết bị lọc cyclone → ống thoát khí (*đầu ống có bố trí lắp đặt màng lọc bụi*).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.
- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.
- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống thu gom khí thải nồi hơi công suất 4.860 m<sup>3</sup>/h.
- Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải từ các khu vực máy tạo sóng, máy in, máy dập và máy xay giấy công suất 45.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu khí thải tại ống thoát khí của nồi hơi. Toạ độ: X(m)= 2312255; Y(m) = 587391.

- Mẫu khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống lọc bụi cyclone. Toạ độ: X(m)= 2312172; Y(m) = 587388.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)*

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>		
1.1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
1.2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	108
1.3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	540
1.4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	270
1.5	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	459
1.6	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	5
1.7	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750
1.8	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	108

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5918 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy tạo sóng;
- Nguồn số 02: Khu vực xay giấy;
- Nguồn số 03: Khu vực máy ép giấy;
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống nồi hơi;
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải sản xuất;
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Toạ độ: X(m) = 2312227, Y(m) = 587938
- Nguồn số 02: Toạ độ: X(m) = 2312172, Y(m) = 587398
- Nguồn số 03: Toạ độ: X(m) = 2312172, Y(m) = 587393
- Nguồn số 04: Toạ độ: X(m) = 2312249, Y(m) = 587389
- Nguồn số 05: Toạ độ: X(m) = 2312203, Y(m) = 587391
- Nguồn số 06: Toạ độ: X(m) = 2312098, Y(m) = 587386

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>o</sup>45', múi chiếu 3<sup>o</sup>)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.
- Trồng cây xanh theo quy định được duyệt để giảm thiểu bụi, tiếng ồn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5918 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in thải	Rắn	08 02 01	24
2	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	184
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	49,33
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	1.914,67
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	41,33
6	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	386,67
7	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	3.434,67
8	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	4.446,67
9	Bìa các tông dính dầu	Rắn	19 03 02	180
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	13,33
<b>Tổng</b>				<b>10.674,47</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: Giấy vụn, túi nilon, pallet gỗ, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,... khoảng 3.615,38 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 3.946,54 kg/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải chuyên dụng, dung tích 100 -150 lít/thùng có nắp đậy, kết cấu chống rò rỉ, ăn mòn, có dán mã chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 03 kho, diện tích 18 m<sup>2</sup> (mỗi kho có diện tích 6 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông, khay chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán mã CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đảm ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích:

+ 01 Khu vực ép và lưu chứa phế liệu: diện tích 168m<sup>2</sup>.

+ 01 kho chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 6 m<sup>2</sup>.

+ 01 khu vực chứa bùn khô tại khu vực hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất, diện tích 100,55 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích 20-50 lít/thùng chia ngăn phân loại, đặt ở khu vực văn phòng và khu vực tập trung nhiều hoạt động sản xuất; phân loại chất thải tại nguồn.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng



chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5918 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
  2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất
  3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
  4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
  5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- 

